

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 40

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

28-02-2023- Quyết định số 623/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện.

(Tiếp theo Công báo số 38 + 39)

**QUY TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 07**

Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

(Ban hành kèm theo Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế	01	Bản sao
03	Các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh	01	Bản sao

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định
Bộ phận một cửa - Văn phòng HĐND và UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Doanh nghiệp, hợp tác xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra, tiếp nhận	Bộ phận một cửa	0.5 ngày làm việc	BM 01 BM 02	1. Tiếp nhận trực tiếp:

	hồ sơ			BM 03	<ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 <p>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông
--	-------	--	--	-------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

					<p>báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu</p> <p>=> thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> <p>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến công chức thủ lý hồ sơ phòng Kinh tế</p>
B2	Kiểm tra tính hợp lệ và thẩm định đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Kinh tế	<p>01 ngày làm việc (đối với hồ sơ chưa hợp lệ)</p> <p>05 ngày làm việc (đối với hồ sơ hợp lệ)</p>	<p>Theo mục I BM 01</p> <p>Dự thảo: văn bản đề nghị bổ sung/kết quả giải quyết/ Văn bản từ chối cấp phép</p>	<p>Công chức tiếp nhận hồ sơ và xem xét:</p> <p>Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Chuyên viên thụ lý dự thảo văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ (sau khi nhận được hồ sơ hoàn chỉnh từ người dân, thì thực hiện tiếp từ B2)</p> <p>Đối với hồ sơ hợp lệ: chuyên viên dự thảo dự thảo kết quả giải quyết TTHC</p> <p>Hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo Phòng xem xét ký duyệt.</p>

B3	Ký duyệt	Lãnh đạo	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo: văn bản đề nghị bổ sung/kết quả giải quyết/ Văn bản từ chối cấp phép	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết TTHC (văn bản yêu cầu sửa đổi bổ sung, Giấy phép hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do).
B4	Ban hành văn bản	Văn thư	0.5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được duyệt	Thực hiện cho số, đóng dấu, sao lưu và phát hành văn bản
B5	Trả kết quả, lưu hồ sơ	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (<i>Phụ lục 23 - Thông tư số 57/2018/TT-BCT</i>)
5	BM 05	Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (<i>Phụ lục 24 - Thông tư số 57/2018/TT-BCT</i>)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (<i>Phụ lục</i>

		23 - Thông tư số 57/2018/TT-BCT)
5	BM 05	Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 24 - Thông tư số 57/2018/TT-BCT)
6	//	Các thành phần hồ sơ khác có liên quan theo văn bản pháp quy hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

PHỤ LỤC 23

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018
của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Công Thương (1)(2)

1. Tên thương nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có)
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
- Đề nghị Phòng Công Thương (1).....(2) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:
6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....(3)
7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:.....(4)

.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(*họ và tên, ký tên, đóng dấu*)

Chú thích:

- (1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)
- (2) Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

PHỤ LỤC 24

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018
của Bộ Công Thương)

UBND HUYỆN (QUẬN)... (1)
PHÒNG CÔNG THƯƠNG (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-P...

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY PHÉP**BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ****TRƯỞNG PHÒNG CÔNG THƯƠNG (2)**

Căn cứ(3);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số... .. ngày ... tháng năm của... .. (4);

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

1. Cho phép.....(4)

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại:..... Fax:.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số.....do.....cấp đăng ký lần đầu ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày.....tháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có):

- Tên:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....(5)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:.....(6)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

.....(4) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG THƯƠNG (2)

(ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- (4);
-(5);
- Lưu: VT, ... (7).

Chú thích:

- (1) Ghi rõ tên huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) nơi thương nhân được phép kinh doanh.
- (2): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)
- (3): Ghi rõ Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Công Thương (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).
- (4): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.
- (5): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (6): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- (7): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.

QUY TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 08

Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

(Ban hành kèm theo Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp	01	Bản sao
03	Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.	01	Bản sao

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định
Bộ phận một cửa - Văn phòng HĐND và UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Doanh nghiệp, hợp tác xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. Ghi chú: Việc thu phí chỉ thực hiện đối với các trường hợp thay đổi địa điểm hoặc điều kiện kinh doanh, không thu phí đối với trường hợp sửa đổi tên thương nhân.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra,	Bộ phận một	0.5 ngày	BM 01	1. Tiếp nhận trực

	tiếp nhận hồ sơ	cửa	làm việc	BM 02 BM 03	tiếp: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng
--	-----------------	-----	----------	----------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

					<p>quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu</p> <p>=> thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> <p>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến công chức thủ lý hồ sơ phòng Kinh tế</p>
B2	Kiểm tra tính hợp lệ và thẩm định đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Kinh tế	01 ngày làm việc (đối với hồ sơ chưa hợp lệ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo: văn bản đề nghị bổ sung/kết quả giải quyết/ Văn bản	Công chức tiếp nhận hồ sơ và xem xét: Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Chuyên viên thụ lý dự thảo văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ (sau khi nhận được hồ sơ hoàn chỉnh từ người dân, thì thực hiện tiếp từ

			05 ngày làm việc (đối với hồ sơ hợp lệ)	từ chối cấp phép	B2) Đối với hồ sơ hợp lệ: chuyên viên dự thảo dự thảo kết quả giải quyết TTHC Hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo Phòng xem xét ký duyệt.
B3	Ký duyệt	Lãnh đạo	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo: văn bản đề nghị bổ sung/kết quả giải quyết/ Văn bản từ chối cấp phép	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết TTHC (văn bản yêu cầu sửa đổi bổ sung, Giấy phép hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do).
B4	Ban hành văn bản	Văn thư	0.5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được duyệt	Thực hiện cho số, đóng dấu, sao lưu và phát hành văn bản
B5	Trả kết quả, lưu hồ sơ	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (<i>Phụ lục 46 - Thông tư số 57/2018/TT-BCT</i>)

5	BM 05	Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ ...) (Phụ lục 47 - Thông tư số 57/2018/TT-BCT)
---	-------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 46 - Thông tư số 57/2018/TT-BCT)
5	BM 05	Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ ...) (Phụ lục 47 - Thông tư số 57/2018/TT-BCT)
6	//	Các thành phần hồ sơ khác có liên quan theo văn bản pháp quy hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP

ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

PHỤ LỤC 46

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018
của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM
THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Công Thương...(1)

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....
7. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày thángnăm(nếu đã có).....(2)....
...(ghi rõ tên thương nhân)...(3) kính đề nghị Phòng Công Thương xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):
8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...), chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)
Thông tin cũ:.....
Thông tin mới:.....
9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:
 - Được phép mua sản phẩm thuốc lá của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....(4)

- Đề tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:.....(5)

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....(5)

b) Đề nghị bổ sung:.....(6)

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)

(2): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(3): Tên Thương nhân.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6) Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

Phụ lục 47

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018
của Bộ Công Thương)

UBND (thành phố, quận, huyện)
PHÒNG CÔNG THƯƠNG (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-P.....

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

GIẤY PHÉP**BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

(Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ.....)

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG THƯƠNG (1)

Căn cứ(2);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số...(3)... ngày ... tháng nămdo (7)..... cấp cho(4);

Căn cứ Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (cấp sửa đổi, bổ sung lần) số...(3)... ngày ... tháng nămdo ..(6)... cấp cho(4) (nếu đã có);

Xét Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng năm của.....(4);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số...(3)...như sau(5)

Điều 2. Các nội dung khác quy định tại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số(3) không thay đổi

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

.....(4) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số

điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG THƯƠNG
(ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- (3);
-(6);
- Lưu: VT,(7).

Chú thích:

- (1) Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...).
- (2): Ghi rõ Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Công Thương (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh)..
- (3): Số giấy phép đã được cấp.
- (4): Tên thương nhân.
- (5): Nội dung sửa đổi, bổ sung
- (6): Tên các tổ chức có liên quan.
- (7) Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.

**QUY TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 09**

Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có)	01	Bản sao

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định
Bộ phận một cửa - Văn phòng HĐND và UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	0.5 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	1. Tiếp nhận trực tiếp: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ

					<p>sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 <p>2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy
--	--	--	--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

					<p>đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu</p> <p>=> thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> <p>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến công chức thủ lý hồ sơ phòng Kinh tế</p>
B2	Kiểm tra tính hợp lệ và thẩm định đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Kinh tế	<p>01 ngày làm việc (đối với hồ sơ chưa hợp lệ)</p> <p>05 ngày làm việc (đối với hồ sơ hợp lệ)</p>	<p>Theo mục I BM 01</p> <p>Dự thảo: văn bản đề nghị bổ sung/kết quả giải quyết/ Văn bản từ chối cấp phép</p>	<p>Công chức tiếp nhận hồ sơ và xem xét:</p> <p>Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Chuyên viên thụ lý dự thảo văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ (sau khi nhận được hồ sơ hoàn chỉnh từ người dân, thì thực hiện tiếp từ B2)</p> <p>Đối với hồ sơ hợp lệ: chuyên viên dự thảo dự thảo kết quả giải quyết TTHC</p> <p>Hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo Phòng xem xét ký duyệt.</p>

B3	Ký duyệt	Lãnh đạo	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo: văn bản đề nghị bổ sung/kết quả giải quyết/ Văn bản từ chối cấp phép	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết TTHC (văn bản yêu cầu sửa đổi bổ sung, Giấy phép hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do).
B4	Ban hành văn bản	Văn thư	0.5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được duyệt	Thực hiện cho số, đóng dấu, sao lưu và phát hành văn bản
B5	Trả kết quả, lưu hồ sơ	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (<i>Phụ lục 52 - Thông tư số 57/2018/TT-BCT</i>)
5	BM 05	Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Cấp lại lần thứ ...) (<i>Phụ lục 53 - Thông tư số 57/2018/TT-BCT</i>)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (<i>Phụ</i>

		<i>lục 52 - Thông tư số 57/2018/TT-BCT)</i>
5	BM 05	Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Cấp lại lần thứ ...) (<i>Phụ lục 53- Thông tư số 57/2018/TT-BCT</i>)
6	//	Các thành phần hồ sơ khác có liên quan theo văn bản pháp quy hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

PHỤ LỤC 52

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018
của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: PHÒNG CÔNG THƯƠNG (1)

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Phòng Công Thương (1)..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được Phòng Công Thương (1).....cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....(nếu có).
- 8....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị Phòng Công Thương (1).....xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do(2).....

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những

quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)
- (2): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

PHỤ LỤC 53

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018
của Bộ Công Thương)

UBND (thành phố, quận, huyện) (1)
PHÒNG CÔNG THƯƠNG (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-P.....

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

GIẤY PHÉP**BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

(Cấp lại lần thứ.....)

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG THƯƠNG (2)

Căn cứ(3);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

Xét Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng năm của.....(4);

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

1. Cho phép.....(4)

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại:..... Fax:.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....cấp đăng ký lần đầu ngày.....tháng.....năm.....đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày..... tháng.....năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện:

+ Tên:

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân phân phối, bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....(5)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:.....(6)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....(4) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép (8)

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG THƯƠNG

(ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- (5);
-(6);
- Lưu: VT,(7).

Chú thích:

- (1): Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân được phép kinh doanh.
- (2): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...).
- (3): Ghi rõ Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...).
- (4): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.
- (5): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (6): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- (7): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.
- (8): Thời hạn của Giấy phép là thời hạn đã được ghi trong Giấy phép đã được cấp lần đầu.

**QUY TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 10**

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực	01	Bản sao
03	Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy	01	Bản sao

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định
Bộ phận một cửa - Văn phòng HĐND và UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Doanh nghiệp, hợp tác xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	0.5 ngày làm việc	BM 01 BM 02	1. Tiếp nhận trực tiếp: - Trường hợp hồ sơ

				BM 03	<p>đầy đủ:</p> <p>Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 <p>2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá
--	--	--	--	-------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

					<p>nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu</p> <p>=> thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> <p>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến công chức thủ lý hồ sơ phòng Kinh tế</p>
B2	Kiểm tra tính hợp lệ và thẩm định đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Kinh tế	08 ngày làm việc	<p>Theo mục I BM 01</p> <p>Dự thảo: văn bản đề nghị bổ sung/kết quả giải quyết/ Văn bản từ chối cấp phép</p>	<p>Công chức tiếp nhận hồ sơ và xem xét:</p> <p>Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Chuyên viên thụ lý dự thảo văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ (sau khi nhận được hồ sơ hoàn chỉnh từ người dân, thì thực hiện tiếp từ B2)</p> <p>Đối với hồ sơ hợp lệ: chuyên viên dự thảo dự thảo kết quả giải quyết TTHC</p> <p>Hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo Phòng xem xét ký duyệt.</p>

B3	Ký duyệt	Lãnh đạo	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo: văn bản đề nghị bổ sung/kết quả giải quyết/ Văn bản từ chối cấp phép	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết TTHC (văn bản yêu cầu sửa đổi bổ sung, Giấy phép hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do).
B4	Ban hành văn bản	Văn thư	0.5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được duyệt	Thực hiện cho số, đóng dấu, sao lưu và phát hành văn bản
B5	Trả kết quả, lưu hồ sơ	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (<i>Mẫu số 05 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP</i>)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (<i>Mẫu số 06 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP</i>)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ

		LPG chai (<i>Mẫu số 05 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP</i>)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (<i>Mẫu số 06 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP</i>)
6	//	Các thành phần hồ sơ khác có liên quan theo văn bản pháp quy hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
CỬA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Quận/huyện...

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh
doanh số:do cấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Ủy ban nhân dân quận/huyện...xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

.....,ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...
UBND QUẬN/HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCNĐĐK-UBND

....., ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CỬA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI
CHỦ TỊCH UBND QUẬN/HUYỆN...**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai của ⁽¹⁾;

Theo đề nghị của ⁽²⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh: ⁽¹⁾

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:docấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Đủ điều kiện làm cửa hàng bán lẻ LPG chai

Điều 2.⁽¹⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Điều 3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai này có giá trị đến hết ngày.... tháng năm;⁽³⁾ thay thế cho Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai số/GCNĐĐK-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận/huyện..../.

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- ... ⁽¹⁾;
- Bộ Công Thương;
- Sở Công Thương;
- Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, ⁽²⁾.

Chú thích:

- (1) Tên doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- (2) Tên đơn vị trình cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- (3) Sử dụng trong trường hợp cấp điều chỉnh/cấp lại/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

QUY TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 11

Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi	01	Bản sao

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định
Bộ phận một cửa - Văn phòng HĐND và UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp, hợp tác xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. <p>Ghi chú: Việc thu phí chỉ thực hiện đối với các trường hợp thay đổi địa điểm hoặc điều kiện kinh doanh, không thu phí đối với trường hợp sửa đổi tên thương nhân.</p>

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	0.5 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	1. Tiếp nhận trực tiếp: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ:

					<p>Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 <p>2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản
--	--	--	--	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

					<p>của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu</p> <p>=> thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> <p>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến công chức thủ lý hồ sơ phòng Kinh tế</p>
B2	Kiểm tra tính hợp lệ và thẩm định đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Kinh tế	<p>01 ngày làm việc (đối với hồ sơ chưa hợp lệ)</p> <p>03 ngày làm việc (đối với hồ sơ hợp lệ)</p>	<p>Theo mục I BM 01</p> <p>Dự thảo: văn bản đề nghị bổ sung/kết quả giải quyết/ Văn bản từ chối cấp phép</p>	<p>Công chức tiếp nhận hồ sơ và xem xét:</p> <p>Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Chuyên viên thụ lý dự thảo văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ (sau khi nhận được hồ sơ hoàn chỉnh từ người dân, thì thực hiện tiếp từ B2)</p> <p>Đối với hồ sơ hợp lệ: chuyên viên dự thảo dự thảo kết quả giải quyết TTHC</p> <p>Hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo Phòng xem xét ký duyệt.</p>

B3	Ký duyệt	Lãnh đạo	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo: văn bản đề nghị bổ sung/kết quả giải quyết/ Văn bản từ chối cấp phép	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết TTHC (văn bản yêu cầu sửa đổi bổ sung, Giấy phép hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do).
B4	Ban hành văn bản	Văn thư	0.5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được duyệt	Thực hiện cho số, đóng dấu, sao lưu và phát hành văn bản
B5	Trả kết quả, lưu hồ sơ	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện (<i>Mẫu số 12 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP</i>)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (<i>Mẫu số 06 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP</i>)

V. HỒ SƠ CẢN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện (<i>Mẫu số</i>

		<i>12 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP)</i>
5	BM 05	Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (<i>Mẫu số 06 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP</i>)
6	//	Các thành phần hồ sơ khác có liên quan theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh
doanh số:do cấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét cấp
lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy định tại Nghị định số
.../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày
... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên
quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

.....,ngày....tháng...năm...
**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...
UBND QUẬN/HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCNĐĐK-UBND

....., ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CỬA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI
CHỦ TỊCH UBND QUẬN/HUYỆN...**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai của ⁽¹⁾;

Theo đề nghị của ⁽²⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh: ⁽¹⁾

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:docấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Đủ điều kiện làm cửa hàng bán lẻ LPG chai

Điều 2.⁽¹⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Điều 3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai này có giá trị đến hết ngày.... tháng năm;⁽³⁾ thay thế cho Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai số/GCNĐĐK-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận/huyện..../.

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- ... ⁽¹⁾;
- Bộ Công Thương;
- Sở Công Thương;
- Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, ⁽²⁾.

Chú thích:

- (1) Tên doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- (2) Tên đơn vị trình cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- (3) Sử dụng trong trường hợp cấp điều chỉnh/cấp lại/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

**QUY TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 12**

Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu)	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định
Bộ phận một cửa - Văn phòng HĐND và UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	0.5 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	1. Tiếp nhận trực tiếp: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn

				<p>thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03</p> <p>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <p>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</p> <p>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu</p> <p>=> thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không</p>
--	--	--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

					<p>muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> <p>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến công chức thủ lý hồ sơ phòng Kinh tế</p>
B2	Kiểm tra tính hợp lệ và thẩm định đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Kinh tế	<p>01 ngày làm việc (đối với hồ sơ chưa hợp lệ)</p> <p>03 ngày làm việc (đối với hồ sơ hợp lệ)</p>	<p>Theo mục I BM 01</p> <p>Dự thảo: văn bản đề nghị bổ sung/kết quả giải quyết/ Văn bản từ chối cấp phép</p>	<p>Công chức tiếp nhận hồ sơ và xem xét:</p> <p>Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Chuyên viên thụ lý dự thảo văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ (sau khi nhận được hồ sơ hoàn chỉnh từ người dân, thì thực hiện tiếp từ B2)</p> <p>Đối với hồ sơ hợp lệ: chuyên viên dự thảo dự thảo kết quả giải quyết TTHC</p> <p>Hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo Phòng xem xét ký duyệt.</p>
B3	Ký duyệt	Lãnh đạo	01 ngày làm việc	<p>Theo mục I BM 01</p> <p>Dự thảo: văn bản đề nghị bổ sung/kết quả giải quyết/ Văn bản từ chối cấp phép</p>	<p>Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết TTHC (văn bản yêu cầu sửa đổi bổ sung, Giấy phép hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do).</p>

B4	Ban hành văn bản	Văn thư	0.5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được duyệt	Thực hiện cho số, đóng dấu, sao lưu và phát hành văn bản
B5	Trả kết quả, lưu hồ sơ	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (<i>Mẫu số 12 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP</i>)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (<i>Mẫu số 06 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP</i>)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (<i>Mẫu số 12 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP</i>)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (<i>Mẫu số 06 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP</i>)
6	//	Các thành phần hồ sơ khác có liên quan theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:
do cấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

....., ngày.... tháng... năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...
UBND QUẬN/HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCNĐĐK-UBND

....., ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CỬA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI
CHỦ TỊCH UBND QUẬN/HUYỆN...**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai của ⁽¹⁾;

Theo đề nghị của ⁽²⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh: ⁽¹⁾

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
do cấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Đủ điều kiện làm cửa hàng bán lẻ LPG chai

Điều 2.⁽¹⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Điều 3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai này có giá trị đến hết ngày.... tháng năm;⁽³⁾ thay thế cho Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai số/GCNĐĐK-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận/huyện..../.

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- ... ⁽¹⁾;
- Bộ Công Thương;
- Sở Công Thương;
- Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, ⁽²⁾.

Chú thích:

- (1) Tên doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- (2) Tên đơn vị trình cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- (3) Sử dụng trong trường hợp cấp điều chỉnh/cấp lại/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng